

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 89/2022/DS-PT  
Ngày 13-7-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Văn Luông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Đặng Kim Quang- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1984. (Lê Văn E).

Địa chỉ: C8-37 khu dân cư 586, đường số 12, phường P, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Minh Hưng.

Địa chỉ: Số B3-97 đường số 12 khu dân cư 586, phường P, quận Cái R, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp Phú Nh, xã Đông Ph, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông Trương Quốc V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Phú Nh, xã Đông Ph, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3.2. Bà Đinh Thị Kiều T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: C8-37 khu dân cư 586, đường số 12, phường P, quận Cái R, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn L.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:* Vào ngày 27/6/2019, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 27/6/2019, khi cho vay có làm biên nhận với bị đơn và có ông Trương Quốc V bảo lãnh, thỏa thuận lãi suất khi vay là 4% trên tháng trên 300.000.000đồng. Bị đơn đã đóng lãi đến hết năm 2020 được cho nguyên đơn số tiền 210.000.000đồng, đến ngày 01/01/2021 bị đơn không tiếp tục đóng lãi cho nguyên đơn. Khi vay bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508703/H00057 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508704/H00056 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đồng và trả lãi theo thỏa thuận là 4%/tháng/300.000.000đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn Nguyễn Ánh N trình bày:* Thống nhất nội dung vay tiền như nguyên đơn trình bày nhưng bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn được 18 tháng tính từ ngày 27/6/2019 với số tiền là 216.000.000đồng, khi đóng lãi không có biên nhận và không có ai làm chứng. Bị đơn ngưng đóng lãi cho nguyên đơn từ ngày 01/01/2021 đến nay. Trong khoản vay này thì con bị đơn là Trương Quốc V trước ngày 27/6/2019 có vay của nguyên đơn 100.000.000đồng và đến ngày 27/6/2019 bị đơn vay của nguyên đơn 200.000.000đồng nên làm biên nhận tổng là 300.000.000đồng do bị đơn đứng ra vay. Bị đơn thống nhất và đồng ý trả nợ nhưng yêu cầu tính lại phần lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V trình bày:* Đồng ý với lời khai của bà Nguyễn Ánh N. Bị đơn cũng đã đóng lãi cho nguyên đơn được 210.000.000đồng. Thống nhất cùng với bị đơn trả nợ vốn cho nguyên đơn và trả lãi theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Kiều T1 trình bày:* Đồng ý với ý kiến nguyên đơn và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Nguyễn Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Quốc V phải trả cho nguyên đơn Lê Văn L số tiền vay vốn còn lại 169.763.000đồng (một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508703/H00057 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc), và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508704/H00056 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc) sau khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu xem xét về lãi suất là 1.67%/tháng, không đồng ý bù trừ tiền lãi vào tiền gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn thống nhất yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày vay 27/6/2019 đến ngày 31/12/2020, tính tròn là 18 tháng đối với số tiền gốc 300.000.000đồng (lãi đã nhận 210.000.000đồng), nếu tiền lãi thừa sẽ trừ vào nợ gốc. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2022) tính lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc còn lại.

Bị đơn bà Nguyễn Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Cụ thể: Các đương sự thống nhất thuận: bà N và ông V sẽ trả số tiền sau:

- Lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay 27/7/2019 đến ngày 31/12/2020, tính tròn 18 tháng được tính như sau:  $300.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm (1.67\%/tháng) \times 18\text{ tháng} = 90.180.000\text{đồng}$ . Vậy tiền lãi đã nhận thừa là:  $210.000.000\text{đồng} - 90.180.000\text{đồng} = 119.820.000\text{đồng}$ . Trừ tiền lãi đã đóng thừa vào nợ vốn là:  $300.000.000\text{đồng} - 119.820.000\text{đồng} = 180.180.000\text{đồng}$ .

- Lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc còn lại 180.180.000đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2022) là 13 tháng 27 ngày được tính như sau:  $180.180.000\text{đồng} \times 1\%/tháng \times (13\text{ tháng } 27\text{ ngày}) = 25.045.000\text{đồng}$ .

Vậy, tổng số tiền gốc và lãi còn lại bà N và ông V phải trả cho nguyên đơn là 205.225.000đồng (180.180.000đồng + 25.045.000đồng).

Sau khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc đứng tên bà Nguyễn Ánh N cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay 27/7/2019 đến ngày 31/12/2020, tính tròn 18 tháng được tính như sau:  $300.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm (1.67\%/tháng) \times 18\text{ tháng} = 90.180.000\text{đồng}$ . Vậy tiền lãi đã nhận thừa là:  $210.000.000\text{đồng} - 90.180.000\text{đồng} = 119.820.000\text{đồng}$ . Trừ tiền lãi đã nhận thừa vào nợ vốn là:  $300.000.000\text{đồng} - 119.820.000\text{đồng} = 180.180.000\text{đồng}$ .

- Lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc còn lại 180.180.000đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2022) là 13 tháng 27 ngày được tính như sau:  $180.180.000\text{đồng} \times 1\%/tháng \times (13\text{ tháng } 27\text{ ngày}) = 25.045.000\text{đồng}$ .

Vậy, tổng số tiền gốc và lãi còn lại bà N và ông V phải trả cho nguyên đơn là 205.225.000đồng (180.180.000đồng + 25.045.000đồng).

Sau khi bà N, và ông V trả hết nợ thì nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn bà Nguyễn Ánh N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508703/H00057 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc), và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508704/H00056 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào quy định tại Điều 300, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà N và ông V phải chịu là 10.261.250đồng. Trong đó: Bị đơn bà Nguyễn Ánh N phải chịu 2/3 án phí sơ thẩm là 6.261.250đồng nhưng là người cao tuổi nên được miễn theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh V phải chịu 1/3 án phí sơ thẩm là 3.130.625đồng.

Nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.400.000đồng (mười triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010121 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người kháng cáo phải chịu theo quy định là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0010263 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 272, 273, 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự 2015;

Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) có người đại diện theo ủy quyền ông Lương Minh Hưng với bị đơn bà Nguyễn Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V. Sửa án bản dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) có người đại diện theo ủy quyền ông Lương Minh Hưng với bị đơn bà Nguyễn Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V như sau: Bị đơn bà Nguyễn Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) tổng số tiền là 205.225.000đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn bà Nguyễn Ánh N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508703/H00057 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc), và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC508704/H00056 cấp ngày 30/6/2005 đứng tên Nguyễn Ánh N (bản gốc) sau khi bà N và ông V trả hết nợ cho nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Ánh N được miễn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc V phải chịu là 3.130.625đồng. Nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.400.000đồng (Mười triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010121 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn L (Lê Văn E) là người kháng cáo phải chịu theo quy định là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0010263 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 13/7/2022.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Châu T, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS H. Châu T, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Quốc Tuấn**